

KHỞ ĐẦU THUẬN LỢI TUẦN ĐẦU NĂM MỚI!

GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

TTCK thế giới

Chỉ số chứng khoán toàn cầu khép lại năm “hân hoan” với mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2019 nhờ đợt hồi phục kéo dài 2 tháng cuối năm khi các nhà đầu tư đặt cược rằng các ngân hàng trung ương lớn đã hoàn tất việc tăng lãi suất và sẽ cắt giảm nhanh chóng vào năm tới. Chỉ số MSCI All-Country World Index, theo dõi gần 3.000 cổ phiếu tiêu biểu ở 48 thị trường phát triển và mới nổi, tăng 20,09% trong năm 2023, lên mức cao chưa từng thấy kể từ tháng 2-2022.

TTCK trong nước

Thị trường chứng khoán trong nước khép lại năm 2023 với mức tăng 122,84 điểm (tương đương +12,20%) đạt 1.129,93 điểm nhờ sự nỗ lực từ dòng tiền nội bù đắp áp lực bán ròng 22.810 tỷ đồng từ khối ngoại. Thanh khoản toàn thị trường bình quân đạt 17.517 tỷ đồng, giảm 14,82% so với năm trước. Độ rộng thị trường tích cực với 75% số nhóm cổ phiếu tăng điểm, trong đó có nhiều nhóm cổ phiếu chiến thắng thị trường như: Chứng khoán, xây dựng và vật liệu xây dựng, Logistics, đầu tư công, BĐS KCN, ...

Cho tuần tới: Tuần đầu năm mới 2024, thị trường kỳ vọng đà tăng sẽ được duy trì khi tâm lý đang có sự cải thiện và khối ngoại đã mua ròng trở lại. Theo thống kê kể từ năm 2010 cho tới nay, phiên đầu tiên của năm mới thường có kết quả tích cực, chỉ số Vn-Index tăng bình quân +1%, trong đó 64% thời gian (9 năm) thị trường tăng điểm với mức tăng bình quân +1,74%. Ở chiều ngược lại, mức giảm ở phiên đầu tiên cũng rất nhẹ, khoảng 36% thời gian (5 năm), thị trường giảm điểm với mức giảm bình quân -0,31%. Trong kịch bản cơ sở, chỉ số Vn-Index có thể đạt 1.136 – 1.140 điểm, trong kịch bản tích cực chỉ số có thể tăng 19 điểm, tương ứng chỉ số Vn-Index ở 1.149,6 điểm.

Cơ hội đầu tư ngắn hạn

Các nhóm cổ phiếu đáng chú ý: Ngân hàng, Bất động sản, thép, ...

Cơ hội đầu tư dài hạn

Chiến lược đầu tư – Lợi thế cạnh tranh

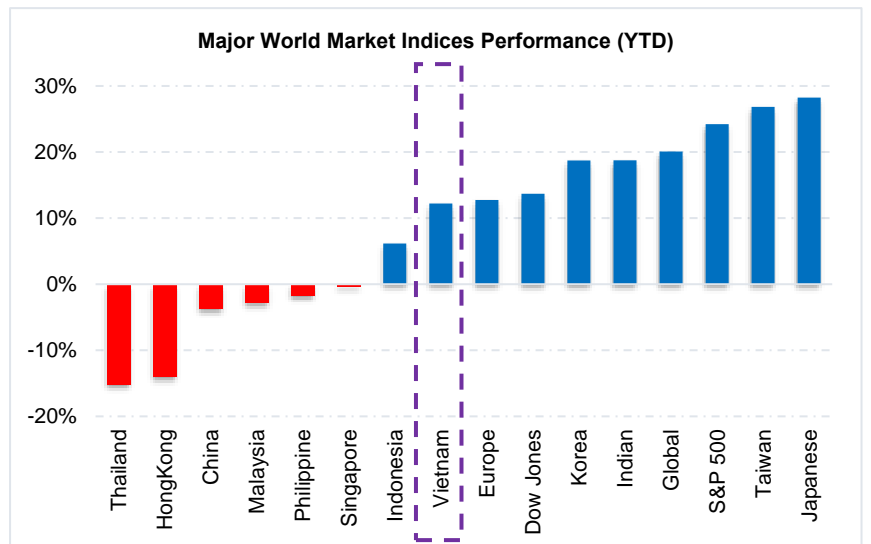
Chiến lược đầu tư – Hang tránh bão

Chiến lược đầu tư – BIS (Tài chính)

Chiến lược đầu tư – BSS (Ngân hàng, chứng khoán, thép)

HIỆU SUẤT SINH LỜI

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD
Global	727.00	0.81%	4.23%	20.09%
Dow Jones	37,689.54	0.81%	3.98%	13.70%
S&P 500	4,769.83	0.32%	3.81%	24.23%
Europe	479.02	0.30%	2.75%	12.74%
Japanese	33,464.17	0.89%	0.10%	28.24%
Korea	2,655.28	2.15%	6.00%	18.73%
China	2,974.93	2.06%	-1.87%	-3.70%
HongKong	17,023.00	4.18%	1.14%	-13.94%
Taiwan	17,930.81	1.90%	2.82%	26.83%
Indian	72,240.26	1.59%	7.05%	18.74%
Singapore	3,240.27	3.18%	4.85%	-0.34%
Malaysia	1,454.66	0.02%	-0.12%	-2.73%
Indonesia	7,272.80	0.49%	3.02%	6.16%
Thailand	1,415.85	0.77%	2.57%	-15.15%
Philippine	6,450.04	-0.78%	3.28%	-1.77%
Vietnam	1,129.93	2.44%	2.52%	12.20%
Brent Oil	77.07	-2.53%	-2.29%	-10.29%
Crude Oil WTI	71.33	-3.03%	-3.70%	-11.36%
Gold	2,071.80	0.59%	-0.86%	13.45%
S&P 500 VIX	12.45	-4.45%	-1.43%	-42.55%
Dollar Index	101.06	-0.27%	-2.07%	-2.14%
U.S. 10Y	3.87	-0.89%	-8.15%	-0.32%
U.S. 2Y	4.25	-1.83%	-6.61%	-4.02%



Dữ liệu cập nhật ngày 29/12/2023

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chỉ số chứng khoán toàn cầu khép lại năm “hân hoan” với mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2019 nhờ đợt hồi phục kéo dài 2 tháng cuối năm khi các nhà đầu tư đặt cược rằng các ngân hàng trung ương lớn đã hoàn tất việc tăng lãi suất và sẽ cắt giảm nhanh chóng vào năm tới. Chỉ số MSCI All-Country World Index, theo dõi gần 3.000 cổ phiếu tiêu biểu ở 48 thị trường phát triển và mới nổi, tăng 20,09% trong năm 2023, lên mức cao chưa từng thấy kể từ tháng 2-2022.

Chứng khoán Mỹ: Đã hoàn tất một năm tăng điểm rực rỡ nhờ sự giảm tốc của lạm phát, sự vững vàng của nền kinh tế và tín hiệu kết thúc chiến dịch tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang (Fed).

Chỉ số S&P 500 chốt phiên cuối năm ở 4.769,83 điểm. Đây là tuần tăng thứ 9 liên tiếp của chỉ số này - chuỗi tuần tăng dài nhất kể từ năm 2004 - đưa tổng mức tăng của cả năm lên 24,4%. Một điều đáng tiếc đối với S&P 500 là thước đo rộng nhất của chứng khoán Mỹ - dù đã nỗ lực trong những phiên gần đây - đã không thể thiết lập một kỷ lục mới trong năm 2023 dù đã lên rất gần mức đỉnh cao mọi thời đại. Trong phiên cuối cùng của năm 2023, có lúc S&P 500 tăng 9 điểm, chỉ còn cách chưa đầy 0,2% so với mức đóng cửa kỷ lục 4.796,56 điểm thiết lập vào tháng 1/2022.

Chỉ số Dow Jones chốt năm ở mức 37.689,54 điểm, với thành quả tăng cả năm là 13,7%. Trước phiên cuối cùng của năm, chỉ số với thành viên là 30 cổ phiếu blue-chip đã thiết lập kỷ lục đóng cửa mọi thời đại.

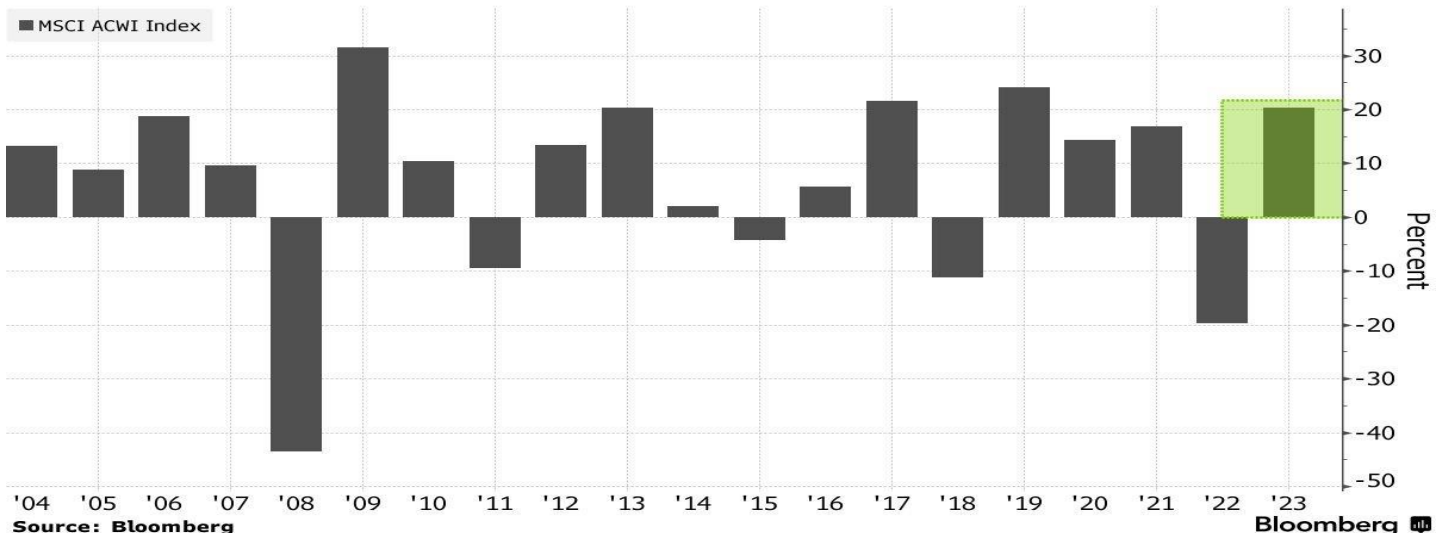
Chỉ số Nasdaq chốt phiên cuối năm ở 15.011,35 điểm. Tuy nhiên, thước đo với các cổ phiếu công nghệ chiếm đa số tăng 43,4% trong năm nay, đánh dấu năm tăng mạnh nhất kể từ 2020, một phần nhờ cơn sốt trí tuệ nhân tạo (AI) khiến nhà đầu tư đổ xô mua những cổ phiếu như Microsoft và Nvidia.

Thành quả tăng của năm 2023 đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của chứng khoán Mỹ sau đợt bán tháo 2022. Về cuối năm, động lực bứt phá của thị trường đến từ việc Fed phát tín hiệu đã có thể dừng tăng lãi suất và dự kiến có ba lần cắt giảm lãi suất trong năm 2024. Phản ánh kỳ vọng vào sự xoay trục chính sách tiền tệ của Fed, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm đã giảm từ mức hơn 5% vào cuối tháng 10 còn dưới 3,9% trong phiên cuối năm.

Chứng khoán Châu Âu: Chỉ số Stoxx 600, đại diện cho cổ phiếu của 600 công ty có vốn hóa lớn, vừa và nhỏ tiêu biểu ở 17 nước châu Âu tăng 12,74% trong năm 2023, phục hồi sau mức giảm 12,9% vào năm 2022. Đây là mức tăng tốt nhất kể từ năm 2021 sau khi hy vọng về sự xoay trục của ngân hàng trung ương đã thúc đẩy một đợt phục hồi mạnh mẽ vào cuối năm. FTSE MIB của Italia và IBEX 35 của Tây Ban Nha có mức tăng tốt nhất trong khu vực, lần lượt 28,03% và 22,76%. DAX của Đức tăng 20,31% trong năm, bất chấp những thách thức kinh tế. CAC 40 của Pháp và FTSE 100 của Anh tăng lần lượt 16,52% và 3,78% trong năm 2023.

Chứng khoán Châu Á: Chỉ số Nikkei 225 khép lại phiên giao dịch cuối cùng của năm ở mức 33.464 điểm, tăng 28,24% so với đầu năm, đây là năm tăng bùng nổ nhất kể từ năm 1989. Mắc tăng phần lớn đến từ 3 động lực: Nỗ lực đẩy mạnh cải cách ở các công ty bị định giá thấp, Warren Buffett đến Nhật Bản và làn sóng M&A. Chỉ số BSE Sensex 30 của thị trường Ấn Độ cũng liên tục lập các kỷ lục mới, chốt năm, chỉ số này tăng 18,74%. Các thị trường lớn khác như Hàn Quốc và Đài Loan cũng có mức tăng khá ấn tượng, lần lượt 18,73% và 26,83%. Ngược dòng chứng khoán thế giới là thị trường chứng khoán Trung Quốc và một số thị trường ở khu vực Đông Nam Á.

Global Stocks Set for Best Year Since 2019



Thị trường chứng khoán trong nước khép lại năm 2023 với mức tăng 122,84 điểm (tương đương +12,20%) đạt 1.129,93 điểm nhờ sự nỗ lực từ dòng tiền nội bù đắp áp lực bán ròng 22.810 tỷ đồng từ khối ngoại. Thanh khoản toàn thị trường bình quân đạt 17.517 tỷ đồng, giảm 14,82% so với năm trước. Độ rộng thị trường tích cực với 75% số nhóm cổ phiếu tăng điểm, trong đó có nhiều nhóm cổ phiếu chiến thắng thị trường như: Chứng khoán, xây dựng và vật liệu xây dựng, Logistics, đầu tư công, BĐS KCN, ...

Diễn biến: Chốt phiên cuối năm, chỉ số Vn-index đạt 1.129,93 điểm, tức tăng gần 123 điểm (tương đương +12,2%) so với đầu năm, trở thành thị trường có thành tích tốt nhất trong nhóm Asean 6. Với 4 lần giảm lãi suất từ NHNN, chỉ số Vn-Index đã đạt đỉnh 1.255,11 điểm ở đầu tháng 9, sau khi tạo đáy ở đầu tháng 11 thị trường đã hồi lại 10% nhưng vẫn chậm chân so với sự hồi phục của chứng khoán thế giới cùng thời gian, so với mức cao kỷ lục (1.536 điểm), chỉ số này vẫn còn cách 26%. Mức tăng năm nay tập trung ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, nhóm vốn hóa nhỏ (Smallcap) tăng 29% và nhóm vốn hóa trung bình (Midcap) tăng 32%. Trong khi nhóm Vn30 chỉ có mức tăng tương đương với thị trường chung 12,6%.

Nhóm cổ phiếu chứng khoán có hiệu suất tốt nhất trong năm với mức tăng bình quân 87% so với đầu năm nhờ dòng tiền nội quy trở lại thị trường mạnh mẽ ở quý 3 sau khi NHNN cắt giảm lãi suất hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Một số cổ phiếu có mức tăng ấn tượng như: VIX (+203%), BSI (+199%), CTS (+124%), SHS (+125%), MBS (+112%), SSI (+93%), HCM (+78%), VCI (+87%), ... , nhóm cổ phiếu xây dựng và vật liệu xây dựng cũng có 1 năm tăng ấn tượng: CTD (+179%), BMP (+99%), HSG (+103%), NKG (101%), HPG (+55%), ... Nhóm cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhất thị trường là ngân hàng cũng có mức tăng gần 2 lần so với thị trường chung: LPB (+55%), HDB (54%), VIB (+33%), ACB (+31%), BID (+27%), MBB (+29%), VCB (+19%), ... Ở chiều ngược lại, nhóm Vingroup, bán lẻ, bảo hiểm, thực phẩm, ... chốt phiên cuối năm vẫn ở mức thấp hơn so với đầu năm: Vingroup (VIC: - 17%, VHM: -10%, VRE: -11%, ...), thực phẩm (VNM: -8%, SAB: - 23%, ...), Bảo hiểm (BVH: -13%, ...), ...

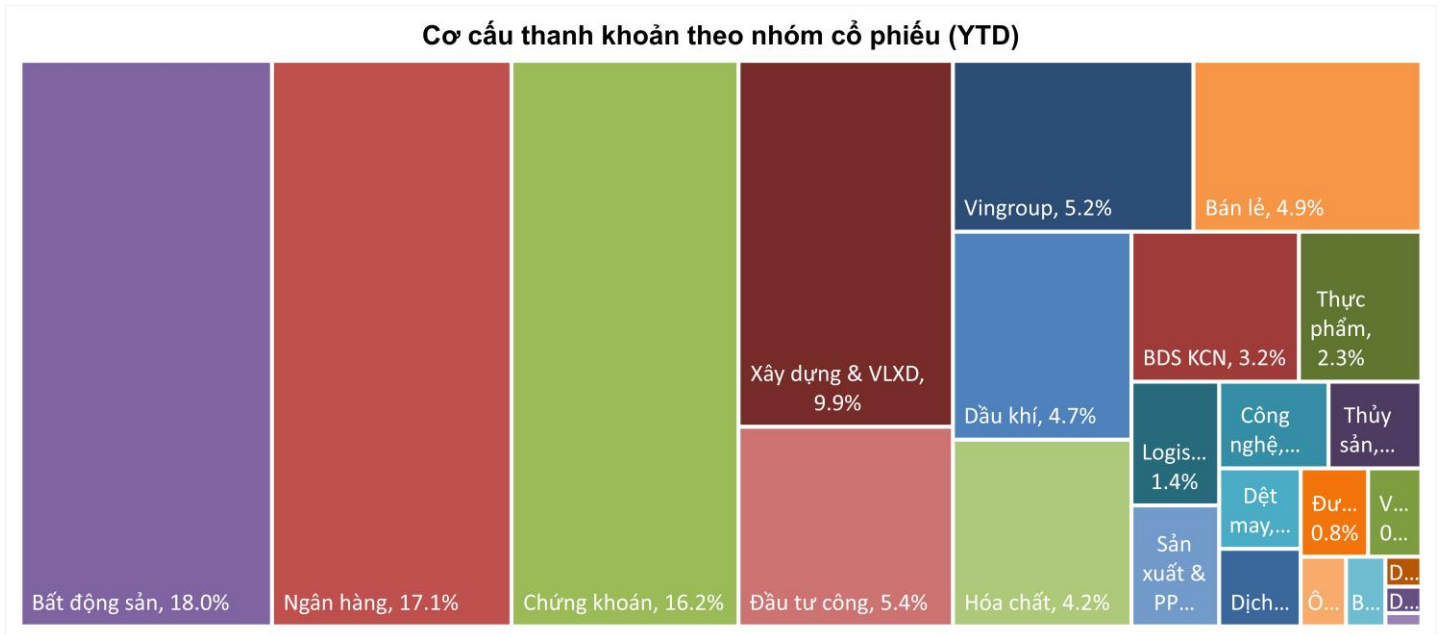
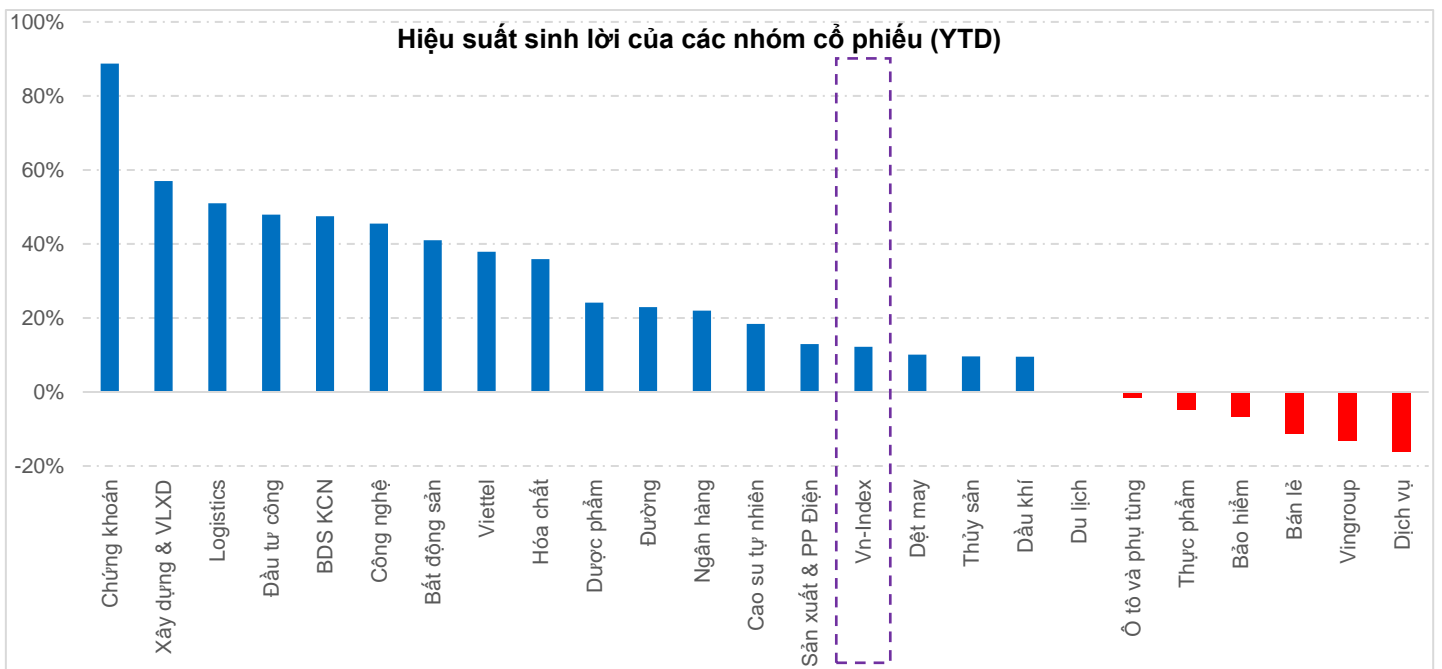
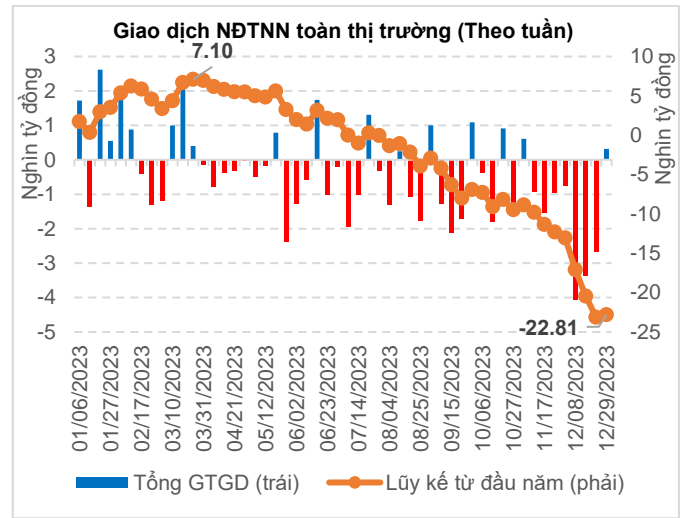
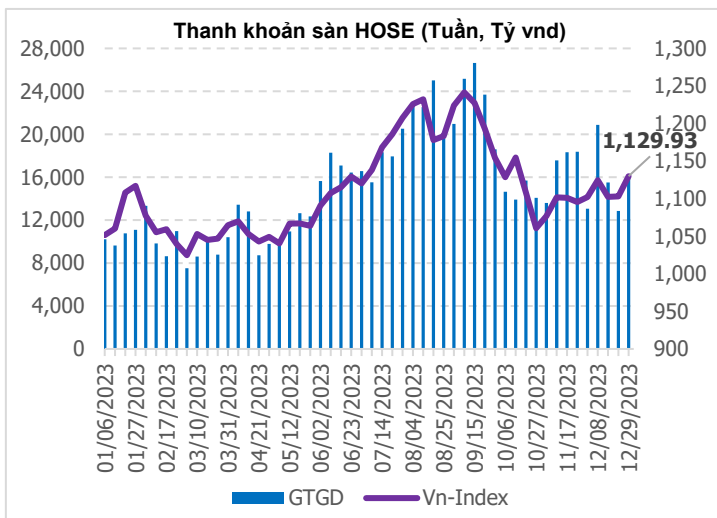
Thanh khoản toàn thị trường năm 2023 đạt 17.517 tỷ đồng, giảm 14,82% so với mức bình quân năm 2022. Thanh khoản thị trường đạt đỉnh trong quý 3 với mức bình quân 24.544 tỷ đồng, mức tăng thanh khoản diễn ra từ quý 2 từ mức nền thấp 11.425 tỷ ở quý 1, kể từ tháng 6 thanh khoản thị trường luôn cao hơn so với cùng kỳ 7 tháng liên tiếp.

Khối ngoại bán ròng 22.810 tỷ đồng trong năm 2023, giai đoạn quý 1 khối ngoại liên tục mua ròng, đã có thời điểm lũy kế đạt 7.100 tỷ đồng ở cuối tháng 3, chuỗi bán ròng liên tục của khối ngoại bắt đầu từ tháng 4 và kéo dài cho đến hết năm.

Quan điểm thị trường tuần tới: Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái vừa ký Quyết định 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Mục tiêu cụ thể là quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 100% GDP vào năm 2025 và đạt 120% GDP vào năm 2030. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán đạt 9 triệu tài khoản vào năm 2025 và 11 triệu tài khoản vào năm 2030, trong đó tập trung phát triển nhà đầu tư có tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài. Phấn đấu đến năm 2025 nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo tiêu chuẩn phân hạng thị trường chứng khoán của các tổ chức quốc tế. Tuần đầu năm mới 2024, thị trường kỳ vọng đà tăng sẽ được duy trì khi tâm lý đang có sự cải thiện và khối ngoại đã mua ròng trở lại. Theo thống kê kể từ năm 2010 cho tới nay, phiên đầu tiên của năm mới thường có kết quả tích cực, chỉ số Vn-Index tăng bình quân +1%, trong đó 64% thời gian (9 năm) thị trường tăng điểm ở phiên đầu năm mới, với mức tăng bình quân +1,74%. Ở chiều ngược lại, mức giảm ở phiên đầu tiên cũng rất nhẹ, khoảng 36% thời gian (5 năm), thị trường giảm điểm với mức giảm bình quân -0,31%. Trong 4 năm gần nhất (từ 2020 -2023), thị trường đều tăng điểm từ 0,59% cho tới 3,66% ở phiên đầu năm. Theo đó, nhà đầu tư có thể kỳ vọng thị trường sẽ có sự khởi đầu thuận lợi với mức tăng từ 6 – 11 điểm trong kịch bản cơ sở, tương ứng với chỉ số Vn-Index có thể đạt 1.136 – 1.140 điểm, trong kịch bản tích cực chỉ số có thể tăng 19 điểm, tương ứng chỉ số Vn-Index ở 1.149,6 điểm. Trong kịch bản cổ phiếu VCB “trả điểm” ở phiên đầu năm mới, kịch bản tích cực hoàn toàn có thể xảy ra. Cho tuần đầu năm 2024, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ có diễn biến tích cực với việc chỉ số Vn-Index bứt phá dứt khoát khỏi vùng tích lũy đã kéo dài 2 tháng qua với cận trên ở ngưỡng 1.132 điểm để hướng tới vùng mục tiêu 1.142 – 1.150 điểm.



Chiến lược giao dịch tuần



CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – LỢI THẾ CẠNH TRANH

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn.
- **Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

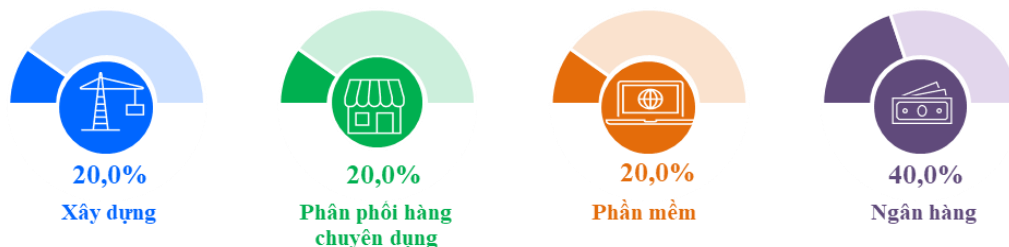
Hiệu suất đầu tư (đến ngày 29/12/2023):

Danh mục	1,8%	1,7%	30,8%	82,7%
	1-week return	1-month return	YTD-return	3-year return
VN-Index	2,4%	2,5%	8,2%	-4,7%

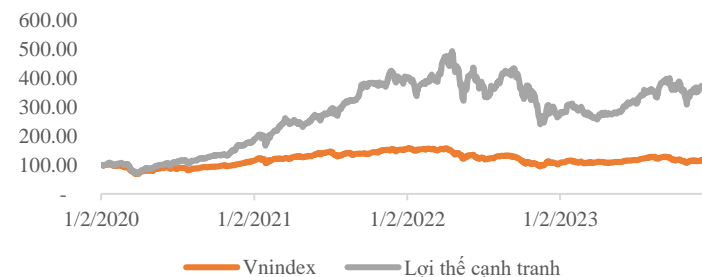
Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	EPS	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/TTS	Cổ tức tiền mặt	KLGD 6T	P/E	P/B
CTR	33,2%	3.941	27,1%	8,7%	11%	1.000	518.175	13,6x	4,1x
DGW	72,9%	5.279	29,4%	9,9%	36%	1.000	877.777	11,2x	4,3x
FPT	13,7%	4.799	20,6%	9,5%	33%	1.000	2.228.554	15,4x	4,1x
MBB	44,0%	3.876	21,9%	2,2%	-	0	10.762.209	4,6x	1,1x
VCB	27,6%	5.582	23,2%	1,6%	-	0	1.189.441	13,2x	2,7x

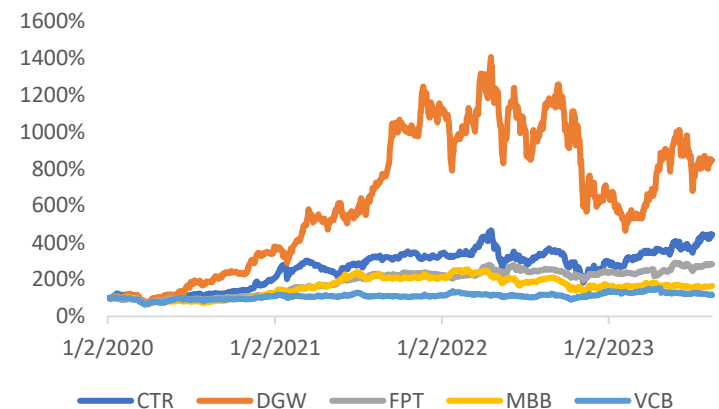
Cơ cấu DM theo ngành



Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
CTR	10	10	20	20	20
DGW	10	15	20	30	40
FPT	10	15	20	20	20
MBB	30	25	20	15	10
VCB	35	35	20	15	10
	260	295	370	440	511

Hiệu quả sinh lời của DM

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – HANG TRÁNH BẢO

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận an toàn & ổn định trước rủi ro thị trường.
- **Chiến lược đầu tư an toàn trước biến động từ thị trường.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp trong nhóm phòng thủ (bảo hiểm, điện, nước, tiêu dùng thiết yếu), có lịch sử chi trả cổ tức cao và đều, đi kèm với rủi ro biến động giá thấp.

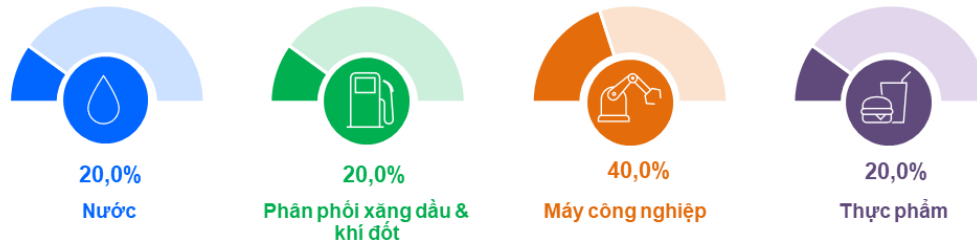
Hiệu suất đầu tư (đến ngày 29/12/2023):

Danh mục	1,5%	-1,3%	-19,2%	1,9%
	1-week return	1-month return	YTD-return	3-year return
VN-Index	2,4%	2,5%	8,2%	-4,7%

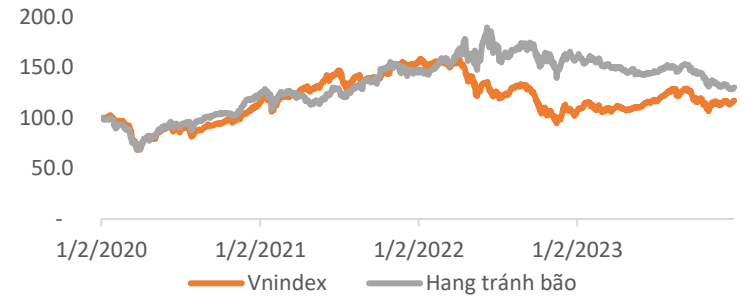
Cấu thành danh mục

Mã CK	Cổ tức tiền mặt	EPS	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/TTS	KLGD 6T	P/E	P/B
BWE	1.200	4.246	35,3%	17%	6,5%	41%	267.050	10,4x	2,0x
GAS	3.000	7.058	4,5%	21%	15,7%	11%	789.627	15,6x	3,7x
REE	1.000	7.773	49,6%	16%	9,0%	35%	1.172.083	9,7x	1,8x
VEA	4.493	5.244	35,3%	27%	24,0%	1%	193.594	7,6x	2,3x
VNM	1.500	4.232	-2,9%	34%	23,0%	19%	2.285.375	18,5x	5,3x

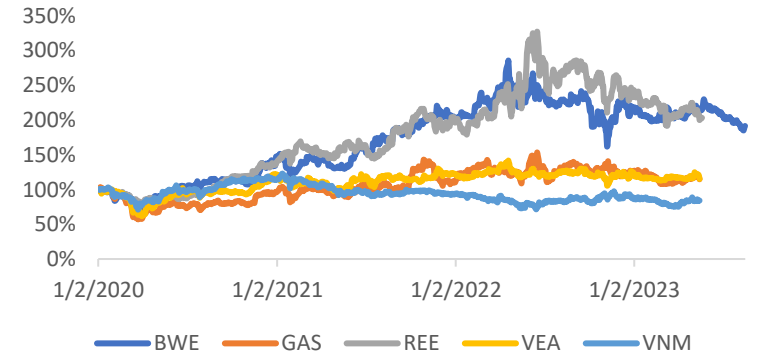
Cơ cấu DM theo ngành



Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BWE	10	20	20	25	30
GAS	15	20	20	20	15
REE	15	15	20	30	35
VEA	25	20	20	20	15
VNM	35	30	20	5	5
	114	122	130	147	156

Hiệu quả sinh lời của DM

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BIS (TÀI CHÍNH)

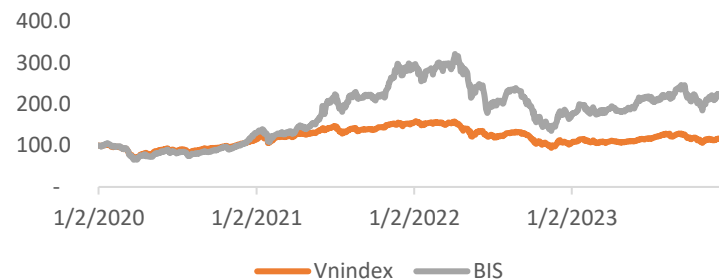
Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán) có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

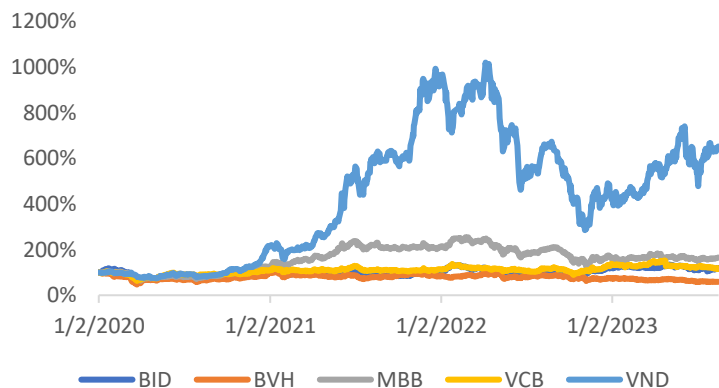
Hiệu suất đầu tư (đến ngày 29/12/2023):

Danh mục	2,6%	4,4%	25,6%	64,4%
	1-week return	1-month return	YTD-return	3-year return
VN-Index	2,4%	2,5%	8,2%	-4,7%

Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	TB NIM 5 năm	TB CIR 5 năm	LLR	NPL	KLGD 6T	P/B
BID	41,3%	13,5%	0,6%	2,7%	-33,9%	-214,0%	1,0%	1.525.120	1,8x
BVH	3,5%	7,7%	1,1%	0,0%	-	-	-	1.363.746	1,7x
MBB	44,0%	21,9%	2,2%	5,0%	-38,0%	-208,0%	1,0%	10.762.209	1,1x
VCB	27,6%	23,2%	1,6%	3,1%	-34,2%	-402,0%	1,0%	1.189.441	2,7x
VND	43,5%	19,5%	5,4%	0,0%	-	-	-	19.408.929	1,0x

Cơ cấu DM theo ngành



60,0%
Ngân hàng



20,0%
Bảo hiểm nhân thọ



20,0%
Môi giới chứng khoán

Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BID	5	10	20	15	10
BVH	35	30	20	10	10
MBB	15	15	20	30	35
VCB	35	30	20	10	10
VND	10	15	20	35	40
	157	187	222	313	332

Hiệu quả sinh lời của DM

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BSS (NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN – THÉP)

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- **Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán & Thép, có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

Hiệu suất đầu tư (đến ngày 29/12/2023):

Danh mục	2,7%	4,9%	42,7%	66,5%
	1-week return	1-month return	YTD-return	3-year return
VN-Index	2,4%	2,5%	8,2%	-4,7%

Cấu thành danh mục

Mã CK	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	TB NIM 5 năm	TB CIR 5 năm	LLR	NPL	P/E	P/B
BID	41,3%	13,5%	0,6%	2,7%	-33,9%	-214,0%	1,0%	11,0x	1,8x
CTG	26,9%	13,9%	0,9%	2,7%	-36,8%	-222,0%	1,0%	7,4x	1,1x
HPG	19,4%	26,0%	12,9%	-	-	-	-	5,0x	0,9x
SSI	17,9%	14,9%	5,0%	-	-	-	-	7,7x	1,1x
VND	43,5%	19,5%	5,4%	-	-	-	-	5,8x	1,0x

Cơ cấu DM theo ngành



40,0%
Ngân hàng

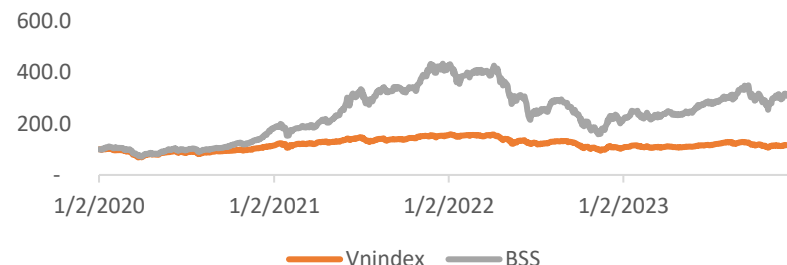


20,0%
Thép và sản phẩm thép

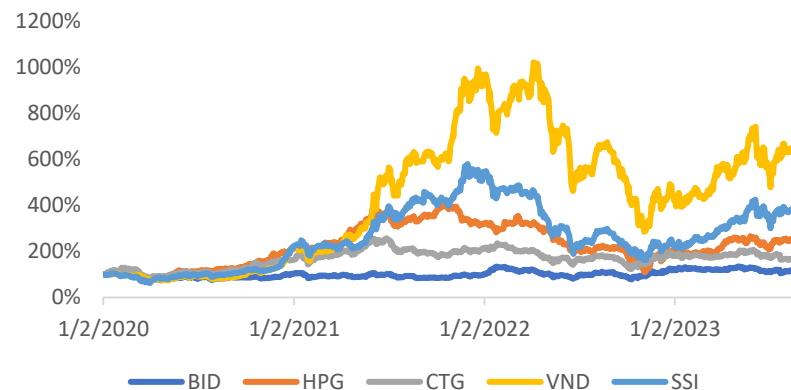


40,0%
Môi giới chứng khoán

Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

Tỷ trọng DM (%)	Kịch bản				
	KB1	KB2	Cơ sở	KB3	KB4
BID	30	25	20	10	5
HPG	35	25	20	10	10
CTG	15	25	20	15	10
VND	10	15	20	35	40
SSI	10	10	20	30	35
	254	272	316	406	443

Hiệu quả sinh lời của DM

MBS RESEARCH UPDATES

Mã	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Link báo cáo	Ngày báo cáo
PVT	MUA	VND 30.100	Link	29/11/2023
VIB	NẮM GIỮ	VND 20.100	Link	27/11/2023
PC1	MUA	VND 32.000	Link	24/11/2023
HDB	MUA	VND 22.700	Link	14/11/2023
TCB	NẮM GIỮ	VND 35.600	Link	09/11/2023
POW	MUA	VND 13.700	Link	08/11/2023
PNJ	MUA	VND 91.000	Link	07/11/2023
BSR	MUA	VND 25.300	Link	03/11/2023
TPB	MUA	VND 19.200	Link	31/10/2023
VPB	NẮM GIỮ	VND 19.200	Link	30/10/2023
OCB	MUA	VND 26.500	Link	14/09/2023
NKG	MUA	VND 26.150	Link	12/09/2023
PHR	MUA	VND 60.900	Link	11/09/2023
FRT	NẮM GIỮ	VND 82.300	Link	29/08/2023
GAS	MUA	VND 113.900	Link	25/08/2023
VPB	NẮM GIỮ	VND 21.100	Link	23/08/2023
ACB	MUA	VND 27.500	Link	21/08/2023
BCM	NẮM GIỮ	VND 78.000	Link	16/08/2023
HPG	MUA	VND 31.600	Link	11/08/2023
PVD	NẮM GIỮ	VND 29.200	Link	01/08/2023
VNM	NẮM GIỮ	VND 83.000	Link	01/08/2023
HDG	NẮM GIỮ	VND 32.800	Link	05/07/2023
TCB	NẮM GIỮ	VND 36.050	Link	04/07/2023
PVT	MUA	VND 26.800	Link	04/07/2023
BID	NẮM GIỮ	VND 49.150	Link	29/06/2023
KBC	MUA	VND 31.300	Link	19/06/2023

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2022 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.